TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2018
V/v: Tranh chấp Ly hôn, chia tài sản chung, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Nhạ
2. Bà Nông Thị Giáp

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lý Thị Luân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Na Rì, Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn *tham gia phiên toà*: Bà Triệu Kim Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, chia tài sản chung, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1983 (có mặt)

Trú tại: tổ nhân dân G, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh Phương Văn K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

HKTT: thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Tạm trú tại: tổ nhân dân G, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 1, trại giam Vĩnh Quang - Bộ Công an.

Địa chỉ: xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954, là mẹ của anh k, người được Tòa án chỉ định để quản lý tài sản cho anh K sau khi ly hôn.

Trú tại: thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V kết hôn với anh Phương Văn K vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn cuộc sống hai vợ chồng đã không thực sự hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn đánh chửi nhau. Năm 2006 khi chị V vừa sinh con thì anh K đi học nghề, khi học đến năm thứ hai vào khoảng năm 2008 thì anh K đã lấy xe máy xuống trường rồi đi cắm cốp lấy tiền tiêu xài và thừa nhận là sử dụng ma túy. Sau khi học xong về đi làm thì anh K vẫn tiếp tục sử dụng ma túy không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng từ năm 2014 chị V và anh K đã sống ly thân với nhau cho đến khi anh K bị bắt vì tội liên quan đến ma túy. Nay chị V thấy tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm đến nhau nữa và cũng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị V và anh K có 02 con chung là Phương Minh P, sinh ngày 28/8/2006 và con Phương Bảo T, sinh ngày 08/02/2013. Ly hôn chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tài sản chung của chị V và anh K yêu cầu Tòa án giải quyết và thống nhất với nhau về giá trị các tài sản gồm có 01 xe máy BKS 97F7 – 4737, trị giá 10.000.000,đ; 01 máy giặt 8kg nhãn hiệu PANASONIC mua năm 2015 trị giá 2.500.000,đ; 01 bộ bàn ghế Đồng Kỵ trị giá 7.000.000,đ. Chị V đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản như sau: Đối với bộ bàn ghế Đồng Kỵ và 01 máy giặt nhãn hiệu PANASONIC chị V không yêu cầu chia mà để cho anh K có quyền sở hữu. Đối với chiếc xe máy BKS 97F7 – 4737, chiếc xe này bị Công an tạm giữ trong vụ án hình sự về ma túy mà anh K đã thực hiện. Sau khi được trả lại xe chị V nhờ anh trai của chị Vân bán chiếc xe cho người khác được số tiền 10.000.000,đ và chị V đã sử dụng một phần số tiền này để nộp phạt cho anh K trong vụ án hình sự là 3.605.000,đ, phần tiền còn lại là 6.395.000,đ chị V yêu cầu được quyền sở hữu số tiền này.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2018; Biên bản hòa giải ngày 24/7/2018, bị đơn anh Phương Văn K nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn là chị Vân về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thị trấn Yến Lạc, đến năm 2011 bố mẹ anh K mua đất và làm nhà cho vợ chồng anh K tại tổ nhân dân G, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Cuộc sống của vợ chồng sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Nay chị V có đơn xin ly hôn với anh K, anh K không đồng ý ly hôn, anh K mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống để nuôi dạy con cái vì ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con. Anh K cũng không thừa nhận bản thân nghiện ma túy.

Về con chung: anh K thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là Phương Minh P, sinh ngày 28/8/2006 và con Phương Bảo T, sinh ngày 08/02/2013, hiện con đang ở với chị V. Ly hôn anh K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh K cho rằng mặc dù hiện

giờ anh đang bị chấp hành án nhưng anh K sẽ nhờ bố mẹ đẻ của anh K trực tiếp nuôi dưỡng các con trong thời gian anh K chấp hành án.

Về tài sản chung: Anh K yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng bao gồm 01 xe máy BKS 97F7 – 4737 xe đăng ký Nguyễn Thị V xe này khi anh K bị bắt trong vụ án ma túy thì bị tạm giữ sau đó đã được trả lại cho chị V, giá trị hiện nay là 10.000.000,đ anh K yêu cầu được chia ½ giá trị xe; 01 máy giặt 8kg hiệu PANASONIC mua năm 2013 giá trị hiện nay là 2.500.000,đ, anh K yêu cầu được chia 2/3 giá trị máy giặt; 01 bộ bàn ghế Đồng Kỵ gỗ nghiến mua năm 2013 với giá 12.000.000,đ giá trị hiện nay là 7.000.000,đ anh K được sở hữu bộ bàn ghế và thanh toán cho chị V ½ giá trị.

Về nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị V được ly hôn với anh K; về con chung giao con Phương Minh P, sinh ngày 28/8/2006 và con Phương Bảo T, sinh ngày 08/02/2013 cho chị V trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Anh K có quyền sở hữu 01 bộ bàn ghế Đồng kỵ trị giá 7.000.000,đ; 01 máy giặt 8kg nhãn hiệu PANASONIC trị giá 2.500.000,đ. Chị V được được quyền sở hữu số tiền bán chiếc xe máy BKS 97F7 – 4737 sau khi trừ số tiền 3.605.000,đ mà chị V đã nộp phạt thay cho anh K là 6.395.000,đ; về nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung. Bị đơn anh Phương Văn K có hộ khẩu thường trú tại huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phối hợp với Trại giam Vĩnh Quang nơi anh K đang chấp hành án để tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên hòa giải các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, vì vậy Tòa án đã lập biên bản hòa giải không thành để làm căn cứ cho việc giải quyết các bước tiếp theo. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh K. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 17/8/2018 Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định. Sau đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa để anh

K biết lịch mở phiên tòa lần thứ 02. Do anh K hiện nay vẫn phải thực hiện nghĩa vụ chấp hành án phạt tù tại Trại giam, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K theo quy định của pháp luật.

Người được tòa án chỉ định để quản lý tài sản cho anh K sau khi ly hôn là Bà Nguyễn Thị D, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phương Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo chị V quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng chị V và anh K đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến khi anh K bị bắt. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do anh K không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, anh K nghiện chất ma túy nên chị V đã mất niền tin ở anh K. Đến nay, chị V không còn tình cảm với anh K nữa nên xin được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên trở về đoàn tụ, nhưng chị V vẫn yêu cầu được ly hôn. Anh K cho rằng sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc và việc vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con nên anh K không nhất trí ly hôn với chị V. Anh K không thừa nhận bản thân nghiện ma túy. HĐXX thấy rằng, anh K không thừa nhận bản thân nghiện ma túy và cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc là thiếu cơ sở, vì theo bản án Hình sự sơ thẩm số 18/2016/HS-ST ngày 16/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì kết luận "Bản thân bị cáo nghiện chất ma túy, ...", hơn nữa hiện nay anh K đang phải chấp hành án phạt tù với thời hạn 07 (Bảy) năm. Anh K là người chồng, là trụ cột của gia đình nhưng nghiện ma túy và hiện tại đang phải chấp hành án tại Trại giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" thì việc anh K cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc là thiếu cơ sở để chấp nhận. Do đó, HĐXX có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của chị V về tình trạng hôn nhân của chị V và anh K là không hạnh phúc, hôn nhân giữa chị V với anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh K.

[3] Về con chung: Chị V, anh K có 02 con chung là Phương Minh P, sinh ngày 28/8/2006 và con Phương Bảo T, sinh ngày 08/02/2013, hiện nay các con đang ở với chị V và do chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy chị V, anh K đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và không đặt vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với bên kia. Tuy nhiên, anh K hiện nay đang chấp hành án tại phân trại 1, trại giam Vĩnh Quang – Bộ Công an do đó không có điều kiện trực tiếp để chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị V. Anh K có quyền làm thủ tục thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn khi anh K chấp hành án xong và quay về địa phương nếu anh K có đủ các điều kiện để trực tiếp để chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị V, anh K xác định có các tài sản chung và thống nhất về giá trị của các tài sản chung, yêu cầu tòa án phân chia như sau:

- 01 bộ bàn ghế Đồng Kỵ gồm: 01 ghế dài, 01 bàn; 02 ghế nhỏ và 02 đôn, bàn ghế bằng gỗ nghiến giá trị còn lại là 7.000.000,đ. Tài sản này chị V không yêu cầu chia mà để cho anh K được quyền sở hữu. Việc chị V không yêu cầu chia tài sản này là quyền tự định đoạt của chị V nên được HĐXX chấp nhận.

- 01 máy giặt nhãn hiệu PANASONIC, loại 08kg số hiệu NA – F80B2, giá trị còn lại là 2.500.000,đ. Tài sản này chị V không yêu cầu chia mà để cho anh K được quyền sở hữu. Việc chị V không yêu cầu chia tài sản này là quyền tự định đoạt của chị Vân nên được HĐXX chấp nhận.

- 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97F7 – 4737 xe đăng ký tên Nguyễn Thị V, giá trị còn lại là 10.000.000,đ. Đối với tài sản là chiếc xe mô tô tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị V đã bán chiếc xe này cho người khác với số tiền là 10.000.000,đ. Sau khi bán chiếc xe này chị V đã sử dụng một phần tiền bán xe có được để nộp phạt cho anh K theo quyết định của bản án Hình sự với số tiền là 3.605.000,đ (theo biên lai số 03257 ngày 18/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì), số tiền còn lại hiện nay chị V vẫn quản lý là 6.395.000,đ, chị V yêu cầu được quyền sở hữu số tiền bán xe mô tô còn lại. HĐXX xét thấy, đối với 02 tài sản là bộ bàn ghế và chiếc máy giặt chị V đã không yêu cầu chia mà để lại cho anh K được quyền sở hữu. Chị V chỉ yêu cầu được quyền sở hữu số tiền 6.395.000,đ còn lại do bán chiếc xe mô tô mà có. Xét yêu cầu của chị V là chính đáng và phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Buộc mỗi bên đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị V đối với anh Phương Văn K.

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Phương Văn K.

[1.2]. Về con chung: Giao con Phương Minh P, sinh ngày 28/8/2006 và con Phương Bảo T, sinh ngày 08/02/2013 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị V không đặt vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với anh K nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[1.3]. Về tài sản chung:

- Anh Phương Văn K được quyền sở hữu: 01 bộ bàn ghế Đồng Kỵ gồm: 01 ghế dài, 01 bàn; 02 ghế nhỏ và 02 đôn, bàn ghế bằng gỗ nghiến có giá trị 7.000.000,đ và

01 máy giặt nhãn hiệu PANASONIC, loại 08kg số hiệu NA – F80B2 có giá trị 2.500.000,đ.

Giao số tài sản trên cho bà Nguyễn Thị D (mẹ anh K) quản lý cho đến khi anh K chấp hành án phạt tù xong trở về địa phương và nhận tài sản.

- Chị Nguyễn Thị V được sở hữu số tiền còn lại là 6.395.000,đ (Sáu triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) do bán chiếc xe mô tô BKS 97F7 – 4737 mà có.

[2]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 319.750,đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai số 01201, ngày 07/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Chị Nguyễn Thị V còn phải nộp số tiền án phí là 319.750,đ (Ba trăm mười chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc anh Phương Văn K phải chịu 475.000,đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (03b);
- VKSND huyện (02b);
- TAND tỉnh (01b);
- THA Dân sự huyện (01b);
- UBND xã Lương Thượng (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu TA (01b).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Thanh Bình